TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỔ YÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:35/2024/QĐST-HNGĐ	*Phổ Yên, ngày 14 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 211, Điều 212 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí vàL phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứ hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 33/2024/TLST-VHNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2024 về *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Chị Trần Thị L, sinh năm 1997;

- Anh Trần Thanh T, sinh năm 1996;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố N, phường HT, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Trần Thanh T tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2018, đăng ký kết hôn tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã BS vào ngày 25/9/2018 (số đăng ký kết hôn 50). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2024 thì mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và cách sống nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và thường xảy ra cãi nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng, không có hạnh phúc và đã sống ly thân nhau từ tháng 4 năm 2024 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Do vậy chị L, anh T cùng thống nhất có đơn yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn, đề nghị Toà án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn được ghi nhận trong Biên bản thoả thuận thuận tình ly hôn; Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 06 tháng 6 năm 2024 là thực sự tự nguyện, cần được chấp nhận.

[2]. Về con chung: Chị L, anh T đều xác định trong quá trình chung sống anh chị có hai con chung là Trần Tiến Đ, sinh ngày 10/8/2019 và Trần Bảo U, sinh

ngày 10/9/2021. Nay ly hôn chị L, anh T thoả thuận giao cháu U cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Đ cho anh T trực tiếp chăn sóc, nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Chị L, anh T đều xác định trong quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có.

[4]. VềL phí: Chị L, anh T thống nhất thỏa thuận: Chị L là người chịu toàn bộL phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản thoả thuận về ly hôn mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Trần Thanh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Chị L, anh T đều xác định trong quá trình chung sống anh chị có hai con chung là: Trần Tiến Đạt, sinh ngày 10/8/2019 và Trần Bảo U, sinh ngày 10/9/2021.

Chị L, anh T thống nhất thoả thuận: Giao cho chị Trần Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là: Trần Bảo Un, sinh ngày 10/9/2021. Giao cho anh Trần Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Tiến Đ, sinh ngày 10/8/2019 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ trực tiếp nuôi con và các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị L, anh T thống nhất thoả thuận: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Chị L, anh T đều xác định trong quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có.

1.5. VềL phí: Chị L, anh T thống nhất thỏa thuận: Chị L chịu toàn bộL phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)

để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng L phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố PY, theo biên lai thu số 0001666 ngày 03/6/2024.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố PY;
- THADS thành phố PY;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- UBND xã BS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký tên)

Hà Thị Thu Thủy